

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 7 – CÀ MAU **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 208/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9-2026

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Hạnh
2. Ông Huỳnh Tài Em

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Nguyễn**, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân khu vực 7 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Mỹ T** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 347/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Từ Thị Út D**, sinh năm: 1988. Căn cước công dân số 084188000233. Địa chỉ: **Ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long** (có đơn vắng mặt);

- Bị đơn: Anh **Mai Văn Đ**, sinh năm: 1987. Căn cước công dân số 095087009951 Địa chỉ: **Ấp N, xã H, tỉnh Cà Mau** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn chị **Từ Thị Út D** trình bày:* Chị **D** và anh **Đ** tự nguyện tìm hiểu và đi đến xây dựng hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo tập tục địa phương và có đăng lý kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long)** vào ngày 10/3/2025. Quá trình chung sống chị **D** và anh **Đ** thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh **Đ** không quan tâm chị **D** còn có những lời nói xúc phạm gây tổn thương cho chị **D**; xét thấy không hoà hợp dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được và hiện nay cả hai đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2026 đến nay. Nay chị **D** yêu cầu ly hôn với anh **Đ**. Về con chung, chị **D** và anh **Đ** chung sống có 01 con chung là cháu **Mai Từ Tường V**, sinh ngày 02/9/2024, hiện nay cháu **V** đang sống cùng chị **D**. Khi ly hôn chị **D** yêu cầu được nuôi cháu **V**, yêu cầu anh **Đ** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi cháu **V** đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không có

và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đến ngày 14 tháng 9 năm 2026 chị **D** có đơn rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với anh **D**.

Về phía bị đơn anh **Mai Văn D** không có lời khai trong hồ sơ. Lý do Tòa án đã nhiều lần tổng đạt triệu tập anh **D** đến Tòa án làm việc nhưng anh **D** không đến, đến nhà lấy lời khai nhưng anh **D** không có nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **D** đối với anh **D**. Về con chung: Giao cháu **Mai Từ Tường V**, sinh ngày 02/9/2024 cho chị **D** tiếp tục nuôi dạy. anh **D** được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con của chị **D** đối với anh **D** do chị **D** rút yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị **D** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 08 tháng 5 năm 2026, chị **Từ Thị Út D** nộp đơn khởi kiện trực tiếp cho Tòa án yêu cầu ly hôn đối với anh **Mai Văn D**, cư trú **ấp N, xã H, tỉnh Cà Mau**. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, chị **D** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, riêng anh **D** vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt anh **D** và chị **D** theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị **D** và anh **D** tự nguyện tìm hiểu và đi đến xây dựng hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo tập tục địa phương và có đăng lý kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long)** vào ngày 10/3/2025 nên hôn nhân giữa chị **D** và anh **D** là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Chị **D** xác định trong thời gian chung sống, chị **D** và anh **D** có phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, từ đó không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hiện chị **D** đã về nhà cha mẹ chị **D** sinh sống từ tháng khoảng tháng 5 năm 2026 và từ đó chị **D** và anh **D** đã ly thân với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa chị **D** và anh **D** không còn hạnh phúc, quá trình chung sống có mâu thuẫn, bản thân chị **D** xác định không còn tình cảm với anh **D**, mục đích hôn nhân không đạt được. Điều này phù hợp lời khai trường **ấp N, xã H** là hiện nay anh **D** và chị **D**

không còn sống chung, chị **D** đã về quê cha mẹ sống, anh **Đ** vẫn ở tại địa phương. Do đó, chị **D** yêu cầu được ly hôn với anh **Đ** là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **D** đối với anh **Đ**.

[4]. Về con chung: Chị **D** sống với nhau có một người con chung là **Mai Từ Tường V**, sinh ngày 02/9/2024, hiện nay cháu **V** đang sống cùng chị **D**. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai nuôi phải xem xét toàn diện về điều kiện vật chất và tinh thần đảm bảo cho sự phát triển của con chưa thành niên. Quá trình thụ lý, anh **Đ** không có đặt ra tranh chấp về việc nuôi con. Để đảm bảo việc ăn ở, sinh hoạt hiện tại của cháu **V** cần tiếp tục giao cháu **V** cho chị **D** tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy.

[5]. Về cấp dưỡng: Theo đơn khởi kiện, chị **D** có yêu cầu anh **Đ** cấp dưỡng cho cháu **V** số tiền là 5.000.000 đồng/tháng. Đến ngày 14 tháng 9 năm 2026 chị **D** có đơn rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với anh **Đ**. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị **D** rút một phần yêu cầu cấp dưỡng đối với anh **Đ** là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên cần chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị **D** đối với anh **Đ**.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị **D** xác định không có tài sản chung và không nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị **D** phải chịu 300.000 đồng, chị **D** đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0006436 ngày 20 tháng 5 năm 2026 được chuyển thu án phí.

[8]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 217, Điều 245 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị **Từ Thị Út D** đối với anh **Mai Văn Đ**. Xử cho chị **Từ Thị Út D** ly hôn với anh **Mai Văn Đ**.

2. Về con chung: Giao cháu **Mai Từ Tường V**, sinh ngày 02/9/2024 cho chị **D** tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy, giáo dục. Hiện cháu **V** đang sống cùng chị **D**.

Anh **Mai Văn Đ** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Từ Thị Út D** đối với anh **Mai Văn Đ** về yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu **Mai Từ Tường V**.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Từ Thị Út D** đối với anh **Mai Văn Đ** về yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu **Mai Từ Tường V**.

4. Về tài sản và nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị **Từ Thị Út D** phải chịu 300.000 đồng, chị **D** đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0006436 ngày 20 tháng 5 năm 2026 được chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Trà Cú, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi